

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29-5-2026

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hồng

Ông Nguyễn Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2026/TLST-HNGĐ ngày 9/4/2026 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Hồng D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Tổ A, phường M, tỉnh Điện Biên.**

- Bị đơn: **Anh Đào Dũng M**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **Khu E, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.**

(Chị **D** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **M** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị **Hoàng Thị Hồng D** trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Đào **Dũng M** kết hôn với nhau vào ngày 28/5/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại **UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ, nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ**. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung gia đình anh **M** một thời gian ngắn tại xã Đ. Quá trình chung sống những năm đầu hòa thuận, đến năm 2019 thì chị và anh **M** phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh **M** đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

thực sự không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Dũng Mạnh.

Về con chung: Chị và anh Đào **Dũng M** có 01 con chung là **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014. Hiện đang ở với chị. Sau ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết và xét xử vụ án, bị đơn là anh Đào Dũng Mạnh đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh **M** và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tiến hành giao các giấy tờ, thông báo cho ông **Đào Xuân V** (bố đẻ của anh **M**) và ông **V** cam kết giao, thông báo lại cho anh **M**. Ông **V** xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống giữa chị **D** và anh **M** đúng như chị **D** trình bày. Nguyên nhân vợ chồng chị **D** và anh **M** mâu thuẫn là do xảy ra cãi vã nên chị **D** đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Chị **D** và anh **M** sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện anh **M** đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà nhưng địa chỉ cụ thể ông không biết. Chị **D** và anh **M** có 01 con chung là **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014, hiện đang ở cùng chị **D** và ông bà ngoại. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp chị **D** và anh **M** có gì hay không thì ông không biết.

3. Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị **Hoàng Thị Hồng D** và anh Đào **Dũng M** kết hôn với nhau vào ngày 28/5/2013, có đăng ký tại UBND xã **Đ**, huyện **H**, tỉnh **Phú Thọ** nay là xã **Đ**, tỉnh **Phú Thọ**. Sau khi kết hôn, chị **D** về chung sống cùng gia đình anh **M** tại xã **Đ**. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chị **D** đã về nhà bố mẹ đẻ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị **D** xin ly hôn anh Đào **Dũng M**, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật vì mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Chị **D** và anh **M** có 01 con chung là **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014 hiện đang ở cùng chị **D**, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giao con chung cho chị **D** tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: vợ chồng chị **D** và anh **M** có hay không thì địa phương không nắm được.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị Hồng D**, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị **Hoàng Thị Hồng D** được ly hôn anh Đào Dũng Mạnh.

- Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Thị Hồng D** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014. Anh Đào **Dũng M** không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị **D**.

Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Chị **D** không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn là tại **xã Đ, tỉnh Phú Thọ** nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Hồng D** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **D**.

Bị đơn anh Đào **Dũng M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và vẫn vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và xét xử vắng mặt anh Đào **Dũng M** là phù hợp.

[2] Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Hồng D** và anh Đào Dũng Mạnh đăng ký kết hôn ngày 28/5/2013, có đăng ký tại **UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ**. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị Hồng D** và anh Đào Dũng Mạnh đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn

nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị **D** và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, chị **D** và anh **M** hòa thuận đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Toà án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn thì tình trạng hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị Hồng D** và anh **Đào Dũng M** không được hạnh phúc, hiện nay đang sống ly thân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị **D** và anh **M** mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **D** về việc xin ly hôn anh **Đào Dũng Mạnh** là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **D** nên xử cho chị **D** được ly hôn anh **Đào Dũng Mạnh**.

[2.2] Về con chung: Chị **Hoàng Thị Hồng D** và anh **Đào Dũng M** có 01 con chung là **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014, hiện con chung đang ở cùng chị **D**. Khi ly hôn, chị **D** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Thực tế hiện nay, con chung đang ở ổn định cùng chị **D**. Lời trình bày của chị **D** và chứng cứ thu thập được cho thấy, chị **D** có chỗ ở, thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **T** muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của con chung, cần giao cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị **D** không yêu cầu anh **M** cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị **D** không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị **D** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị Hồng D** được ly hôn anh **Đào Dũng Mạnh**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Thị Hồng D** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Đào Bảo T**, sinh ngày 17/02/2014. Anh **Đào Dũng M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **D**.

Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Hoàng Thị Hồng D** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002967 ngày 08/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị **D** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5;
- UBND xã Đan Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến

